

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 8.8.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 4.12

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52624850200000001	NGOC THI NINH	女	2000-07-23	023400015109	LE 4.12	
2	H52624850200000002	LANH VAN KHIEM	男	1998-09-20	024098002347	LE 4.12	
3	H52624850200000003	HOANG THI TAM	女	1995-11-28	024195005793	LE 4.12	
4	H52624850200000004	LUC THI LINH	女	2000-04-24	024300006240	LE 4.12	
5	H52624850200000005	NGO THI THANH THUY	女	2004-12-19	024304011349	LE 4.12	
6	H52624850200000006	PHAM MINH NGAN	女	2005-10-01	024305003908	LE 4.12	
7	H52624850200000007	NGUYEN THI TUYET	女	1989-09-17	025189001144	LE 4.12	
8	H52624850200000008	DO THI THANH HANG	女	1990-07-27	026190001927	LE 4.12	
9	H52624850200000009	HOANG THI HIEN	女	1991-01-08	027191010608	LE 4.12	
10	H52624850200000010	NGUYEN THI THUY	女	1995-03-26	027195003126	LE 4.12	
11	H52624850200000011	DINH XUAN HAU	男	2008-12-24	027208010035	LE 4.12	
12	H52624850200000012	NGUYEN BAO KHANH	男	2009-10-22	027209011435	LE 4.12	
13	H52624850200000013	NGUYEN THI MINH PHUONG	女	2000-12-20	027300007284	LE 4.12	
14	H52624850200000014	PHAM THI THUY DUNG	女	2007-11-11	027307011662	LE 4.12	
15	H52624850200000015	NGUYEN THI QUYNH	女	1995-04-08	030195001730	LE 4.12	
16	H52624850200000016	BUI THI HUONG	女	1997-05-08	030197013780	LE 4.12	
17	H52624850200000017	DAM GIA DU	男	2006-03-31	030206018031	LE 4.12	
18	H52624850200000018	PHAM THI NHU QUYNH	女	2005-09-22	030305004679	LE 4.12	
19	H52624850200000019	DINH CONG HIEU	男	1996-10-28	031096006967	LE 4.12	
20	H52624850200000020	VU DUY ANH	男	2009-08-30	031209006991	LE 4.12	
21	H52624850200000021	NGUYEN THI DIEM HA	女	2002-02-05	031302007993	LE 4.12	
22	H52624850200000022	NGUYEN THU PHUONG	女	2003-12-01	031303011168	LE 4.12	
23	H52624850200000023	DONG THI MY HA	女	2003-07-25	031303011462	LE 4.12	
24	H52624850200000024	NGUYEN DINH PHU	男	2004-04-04	033204005943	LE 4.12	
25	H52624850200000025	VU MAI CHI	女	2003-12-12	034303001339	LE 4.12	
26	H52624850200000026	NGUYEN THAO NHI	女	2009-09-12	034309005781	LE 4.12	
27	H52624850200000027	DUONG HAI LAM	女	2009-11-12	035309001694	LE 4.12	
28	H52624850200000028	NGUYEN THI KHANH HOA	女	2002-04-01	037302005586	LE 4.12	
29	H52624850200000029	LE VIET HA ANH	女	1999-04-09	038199009209	LE 4.12	
30	H52624850200000030	TRAN MINH TRI	男	2000-12-01	038200014793	LE 4.12	
31	H52624850200000031	TRAN YEN NHI	女	2003-02-05	038303015081	LE 4.12	
32	H52624850200000032	VO THI LY	女	1998-03-09	040198007787	LE 4.12	
33	H52624850200000033	SAM THI HIEN DIEU	女	2004-10-30	040304009149	LE 4.12	
34	H52624850200000034	CHU THI Y NHI	女	2009-01-30	040309025681	LE 4.12	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG

HỘI ĐỒNG THI NGÀY 8.8.2026 - TRÌNH ĐỘ HSK 5 - LE 4.15

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Số CCCD/Hộ chiếu	Phòng thi	Ghi chú
1	H52624850200000035	VU TAM TRANG	女	1984-11-15	001184008164	LE 4.15	
2	H52624850200000036	NGUYEN VIET CUONG	男	2000-11-09	001200016536	LE 4.15	
3	H52624850200000037	LE HOANG HA	男	2000-07-21	001200017668	LE 4.15	
4	H52624850200000038	HOANG NGO ANH	男	2003-06-20	001203002387	LE 4.15	
5	H52624850200000039	NGO THI PHU	女	2004-05-18	001304006422	LE 4.15	
6	H52624850200000040	THEN VAN DAO	男	2004-11-05	002204004557	LE 4.15	
7	H52624850200000041	PHAM VU HOANG MAI	女	2005-04-11	002305000017	LE 4.15	
8	H52624850200000042	NGUYEN THAO CHI	女	2009-10-08	002309002054	LE 4.15	
9	H52624850200000043	TRAN THI MAI ANH	女	2007-07-21	008307002618	LE 4.15	
10	H52624850200000044	SUNG THI THU HA	女	2004-11-02	010304007524	LE 4.15	
11	H52624850200000045	TAN MY HOAN	女	2005-06-14	012305000405	LE 4.15	
12	H52624850200000046	DO THI HUYEN MY	女	2001-12-27	017301006416	LE 4.15	
13	H52624850200000047	VU DUC TRUNG	男	1989-07-22	019089013405	LE 4.15	
14	H52624850200000048	VU THI KIM PHU	女	2001-08-02	019301002361	LE 4.15	
15	H52624850200000049	LUU THI XUAN HANH	女	1999-12-10	020199001084	LE 4.15	
16	H52624850200000050	DANG THI HUONG	女	1998-02-11	022198007090	LE 4.15	
17	H52624850200000051	TRAN THI VAN ANH	女	2001-09-14	022301006870	LE 4.15	
18	H52624850200000052	PHAM THU HUYEN	女	2003-05-20	022303004124	LE 4.15	
19	H52624850200000053	LE LAN ANH	女	2009-05-08	022309008289	LE 4.15	
20	H52624850200000054	NGUYEN TUAN ANH	男	2002-08-27	E00591688	LE 4.15	